TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lăng Đức Quang

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đối với bị cáo:

Lương Văn N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 060853528, cấp ngày 16/3/2017, nơi cấp Công an tỉnh Yên Bái; con ông Lương Tuấn A, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; có vợ là Bùi Thị T1, sinh năm 1992 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/12/2010 bị UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và ngày 12/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/12/2017 đến ngày 18/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Ngày 05/01/2022 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đỗ Đức T1; vắng mặt có lý do.

+ Ông Ngô Văn N; vắng mặt có lý do.

+ Ông H Văn V; vắng mặt có lý do.

+ Ông Nguyễn Minh T; vắng mặt có lý do.

+ Ông Nguyễn Đức T2; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12 năm 2016 Lương Văn N, sinh năm 1991, Lương Đình P, sinh năm 1974, cùng trú tại thôn B (nay là thôn H), xã H, huyện B, tỉnh Yên Bái sang nhà Lương Thị L và chồng là Nguyễn Minh T, sinh năm 1984, trú tại thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang chơi.

Khoảng 14 giờ ngày 15/12/2016, do uống rượu say ở ngoài thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang nên Nguyễn Minh T gọi điện cho vợ là Lương Thị L bảo L đi taxi ra thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang đón T, L đồng ý.

Do L có việc bận nên đã nhờ Lương Văn N, Lương Đình P đi đón, N, P đồng ý. N cùng với P thuê xe taxi đi ra thị trấn Việt Quang thì gặp T đang đi bộ ở khu vực tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang. Khi T lên xe taxi T bảo lái xe đưa T đến gara ô tô Đức T2 thuộc tổ 11, thị trấn Q, huyện Q để tìm Nguyễn Huy H, với mục đích tìm H để nói chuyện vì T nghe H hay nói xấu vợ chồng T. Sau đó T và N cùng P đi xe taxi đến gara ô tô Đức T2, T cùng N xuống xe và đi vào trong xưởng, lúc này trong xưởng có Nguyền Đức T2 (là chủ xưởng), Đỗ Đức T1, sinh năm 1963, trú tại tổ 11, thị trấn Q, huyện Q và Ngô Văn N, SN 1991, trú tại xã M, huyện Q (là khách sửa xe). Khi vào xưởng N hỏi T "H là thằng nào". Lúc này H đang sửa xe ô tô ở trong quán thì T chỉ H cho N, sau đó xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, T tay trái cầm 01 búa bằng kim loại hình chữ T có chiều dài 46 cm, đầu búa màu đen, cán búa màu trắng lao vào vật lộn với H trên giường cách cửa nhà khoảng 02 mét, còn N thấy T và H đang vật lộn trên giường nên N lấy 02 đoạn tuýp bằng kim loại nhặt ở trong xưởng, tay phải cầm một đoạn tuýp dài 49 cm, đường kính 2,2 cm, đường vanh 09 cm, ống rỗng màu trắng đen, tay trái cầm một đoạn tuýp dài 80 cm, đường kính 3,8 cm, đường vanh 13,5 cm, ống rỗng màu trắng N đứng ở dưới giường tay phải cầm tuýp sắt vụt nhiều nhát vào người H. Do H đang bị T vật lộn nên khi N dùng tuýp sắt vụt H không né, tránh được nên bị thương tích ở đầu, tay trái, chân, sườn, lưng. Thấy vậy anh N1 cùng mọi người đến ngăn T và N không đánh H nữa rồi bỏ đi về mọi người đưa H đến bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang điều trị.

Ngày 14/3/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng yêu cầu giám định thương tích của Nguyễn Huy H và ngày 23/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 01 đối với thương tích Nguyễn Huy H.

Tại bản kết luận giám định thương tích bổ sung số: 04/TgT ngày 05/02/2021 của Trung tâm pháp y tinh Hà Giang kết luận:

"- Sẹo 1, 4, 5, 6: Nhóm sẹo phẩm mềm, kích thước nhỏ, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 01%

- Sẹo 2 (Sẹo phẫu thuật): Mặt mu bàn đốt 1 ngón III, bàn tay phải, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 01%;

- Sẹo 3 (Sẹo phẫu thuật) 2/3 dưới mặt ngoài cẳng tay trái, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 02%;

- Gẫy 1/3 giữa xương trụ trái còn phương tiện kết xương: 06%

- Gẫy xương đốt 1 ngón III xương ngón tay phải đã can: 02%

- Gẫy xương đốt 3 ngón V xương ngón tay phải: 01%

- Gẫy cũ mắt cá trong cổ chân phải: Hiện tại không thấy tổn thương.

Tỷ lệ tồn tại cơ thể gây thương tích nên tại điểm giám định là 12 %".

Vật chứng gây thương tích: Tại kết luận giám định số 109/TgT ngày 29/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận: 01 chiếc búa hình chữ T là hung khí không phù hợp để gây nên các thương tích trên cơ thể của Nguyễn Huy H; 02 ống tuýp tròn bằng kim loại là hung khí có thể phù hợp để gây nên các thương tích trên cơ thể của Nguyễn Huy H.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Minh T và Lương Văn N đã bồi thường số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* cho bị hại Nguyễn Huy H, bị hại không yêu cầu T và N phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T và N.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 ống tuýp bằng kim loại sắt cứng có chiều dài 49 cm, đường kính 2,2 cm, đường vanh 09 cm, ống rỗng màu trắng đen; 01 ống tuýp bằng kim loại sắt cứng có chiều dài 80 cm, đường kính 3,8 cm, đường vanh 13,5 cm, ống rỗng màu trắng; 01 búa bằng kim loại sắt cứng hình chữ T có chiều dài 46 cm, đầu búa màu đen, cán búa màu trắng. Toàn bộ số vật chứng này đã được xử lý trong vụ án khác.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKSBQ ngày 24/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Lương Minh N về tội: Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các tình tiết có lợi cho người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Lương Minh N theo bản cáo trạng. Về hình phạt đề nghị Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, Điều 50, Điều 58, Điều 38, Điều 17, Điều 54, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lương Minh N từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2022, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/12/2017 đến ngày 18/01/2018. Ngoài ra bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm, do vậy không đề nghị.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong vụ án khác, nên không đề nghị giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người làm chứng có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng vật chứng, bản kết luận giám định pháp y thương tích số 04/TgT ngày 05/02/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 15/10/2016, tại gara ô tô Đức T2 thuộc tổ 11, thị trấn Q, huyện Q, T nghi ngờ H

hay nói xấu vợ chồng T nên T đã đến nơi làm việc của H, tìm H rồi Nguyễn Minh T, vật lộn, đánh nhau với Nguyễn Huy H, khi thấy T và H vật lộn, Lương Văn N không được T nhờ đánh H, T đã tự ý mỗi tay cầm 01 tuýp sắt vụt nhiều phát vào người H. T thấy N vụt H nhưng không thả H mà còn giữ H để cho N vụt H. Trong vụ án này giữa N và H không có mâu thuẫn gì, nhưng N đã tự cầm mỗi tay 01 tuýp sắt là hung khí nguy hiểm vụt nhiều nhát lên người của H, hậu quả làm Nguyễn Huy H bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12% *(Mười hai phần trăm)*. Hành vi của bị cáo N và T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này Nguyễn Minh T là người mâu thuẫn với Nguyễn Huy H, T là người vật lộn với H, rồi giữ H để cho Lương Văn N dùng tuýp sắt đánh H làm cho H bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12%, giữa T và N không có sự bàn bạc, thống nhất, T cũng không nhờ N đánh H, tuy nhiên T thấy N cầm tuýp sắt đánh H, T đã không ngăn cản N mà vẫn tiếp tục vận lộn và giữ H để cho N đánh H nên thuộc vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này T là người giúp sức cho N để N đánh H, do vậy vai trò của N là cao hơn T.

[5] Sau khi khởi tố Lương Văn N bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 05/12/2017 bị bắt theo quyết định truy nã, đến ngày 18/01/2018 Lương Văn N được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Quá trình được bảo lĩnh, N có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và ngày 12/5/2020 bị Tòa nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (hiện bị cáo N đã chấp hành xong hình phạt).

[6] Tại thời điểm phạm tội, bị cáo bị áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 về thi hành Bộ luật hình sự 2015, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo được áp dụng các quy định có lợi theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017, có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm.

[7] Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

i) Có tính chất côn đồ...;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong

các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

[8] Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1) Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

i) Có tính chất côn đồ...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

[9] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Lương Văn N về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các tình tiết có lợi cho người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[10] Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được rằng tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của con người là thiêng liêng, bất khả xâm phạm được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai cố tình vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên ngày 15/12/2016, thấy T đang vật lộn với H, N không can ngăn việc T vật lộn với H mà còn tự ý dùng Tuýp sắt vụt lên người H nhiều phát, điều đó thể hiện hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo đối với bị hại có tính chất côn đồ, hậu quả làm bị hại H bị thương tích với tổng tỷ L tổn thương cơ thể là 12% (*Mười hai phần trăm*), gây ra những đau đớn về thể xác, hoảng loạn về tinh thần. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các tình tiết có lợi cho người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[11] Xét tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng, làm mất trật tự trị an và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, giữa bị cáo N và bị hại không có mâu thuẫn gì, nhưng sau khi nhìn thấy T và bị hại H vật lộn, bị cáo đã không ngăn cản mà tự ý dùng tuýp sắt là hung khí nguy hiểm tấn công người bị hại gây nên thương tích về cả tinh thần và thể chất đối với bị hại H. Trong vụ án này, bị cáo N

là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và có nhân thân xấu, cụ thể, ngày 03/12/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, sau khi bị khởi tố bị cáo Lương Văn N đã bỏ trốn khỏi địa phương, sau đó bị bắt theo quyết định truy nã, đến ngày 18/01/2018 Lương Văn N được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Quá trình được bảo lĩnh, N có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và ngày 12/5/2020 bị Tòa nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (hiện bị cáo N đã chấp hành xong hình phạt). Điều đó cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, nên phải xử lý bị với mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[12] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, giai đoạn điều tra đã bồi thường xong cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo mình cho tốt.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường xong theo yêu cầu của bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý trong vụ án khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[16] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tại phiên tòa về áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức khung hình phạt từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Hội đồng xét xử thấy rằng, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang không được chấp nhận. Vì, trong vụ án này cho dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, đồng thời xét hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này, thấy rằng giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, nhưng sau khi nhìn thấy T và bị hại H vật lộn, bị cáo không những không can ngăn mà còn tự ý dùng tuýp sắt là hung khí nguy hiểm vụt nhiều phát vào người bị hại, điều đó cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất côn đồ, đã trực tiếp gây nên thương tích cho bị hại tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Mặt khác, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích được áp dụng biện pháp cho bảo lĩnh, nhưng sau đó bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã, quá trình bỏ trốn bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật và không ăn năn hối cải. Xét thấy trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, phạm tội thuộc loại tội phạm nghiêm trọng có khung hình phạt từ 02 đến

06 năm tù. Do vậy, mức án đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đối với bị cáo là chưa Tơng xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tội phạm cố ý gây thương tích luôn là vấn đề bức xúc trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Vì vậy, công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này luôn được các ngành các cấp quan tâm cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và để tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đề nghị xử phạt đối với bị cáo nêu trên là không đủ tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo, nên không được chấp nhận.

[17] Trong vụ án này Lương Thị L, Lương Đình P, Hoàng Văn B không có sự bàn bạc gì về việc T và N đánh H. Do vậy Hội đồng xét xử, không đề cập xử lý.

[18] Đối với ông Nguyễn Đức T2, quá trình bị cáo đến xưởng ông T2 rồi tự ý lấy tuýp sắt trong xưởng ông T2 dùng để vụt bị hại, ông T2 không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến ông T2, do vậy Hội đồng xét xử, không đề cập xử lý.

[19] Đối với hành vi của Nguyễn Minh T đã được điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 về thi hành Bộ luật hình sự 2015; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày từ ngày 05/12/2017 đến ngày 18/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 05/01/2022).

5. Về án phí: Bị cáo Lương Văn N phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Nhà tạm giữ Công an huyện bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

Hà Tuấn Vĩnh